TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 76/2024/DS-ST
Ngày: 24 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tiến Dũng**.
2. Bà **Đặng Thị Tiềm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thành Lộc** – Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2024/TLST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự.

-*Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP- V.**

Địa chỉ: Số Q, phường T, Quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng N** – Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc Tài sản – Ngân hàng TMCP V.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1/ Ông **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1986 – Giám đốc Khách hàng cá nhân- Phòng quản lý khách hàng B - Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản PvcomBank. (vắng mặt)

2/ Ông **Võ Duy T**, sinh năm 1988 – Chuyên viên QLKH – Phòng quản lý khách hàng B- Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản PvcomBank. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 79, phường P, Quận K, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Bà **Phạm Thị K**, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2024, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP- V có đại diện theo ủy quyền ông Võ Duy T trình bày:* Bà Phạm Thị K có ký Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 403/2018/ HĐTD/PVB-CNTG ngày 02/8/2018 để vay vốn của Ngân hàng TMCP- V. Hạn mức cho vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, trả vốn và lãi hàng tháng, lãi suất 15,5%/năm , lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm, sau khi vay trả số tiền vốn vay được 21.285.463 đồng và tiền lãi là 14.834.046 đồng; dư nợ tính đến ngày xét xử hôm nay là ngày 24/9/2024 bà K còn nợ của Ngân hàng số tiền là 285.281.575 đồng (trong đó số tiến vốn vay là 128.714.537 đồng, số tiền lãi là 156.567.038 đồng). Trong quá trình vay vốn bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên phía Ngân hàng đã ra thông báo, đôn đốc và cho bà K thời hạn trả nợ nhưng bà K vẫn không thực hiện trả nợ đúng cam kết. Do bà K vi phạm Hợp đồng nên Ngân hàng TMCP- V yêu cầu bà K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP- V số tiền là 285.281.575 đồng (trong đó số tiến vốn vay là 128.714.537 đồng, số tiền lãi là 156.567.038 đồng). Trường hợp bà K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của bà Phạm Thị K theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số: 403/2018/HĐTD/PVB-CNTG ngày 02/8/2018 để thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

* Bị đơn bà Phạm Thị K dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị K. Xét thấy, bị đơn bà K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn bà K.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP- V có đại diện theo ủy quyền ông Võ Duy T: yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là 285.281.575 đồng (trong đó số tiến vốn vay là 128.714.537 đồng, số tiền lãi là 156.567.038 đồng). Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP- V là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn nguyên đơn Ngân hàng TMCP- V có đại diện theo ủy quyền ông Võ Duy T xác định phía bị đơn bà K có ký Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 403/2018/ HĐTD/PVB-CNTG ngày 02/8/2018 để vay vốn của Ngân hàng TMCP- V. Hạn mức cho vay là 150.000.000 đồng, sau khi vay trả số tiền vốn vay được 21.285.463 đồng và tiền lãi là 14.834.046

đồng; dư nợ tính đến ngày xét xử hôm nay là ngày 24/9/2024 bà K còn nợ của Ngân hàng số tiền là 285.281.575 đồng (trong đó số tiến vốn vay là 128.714.537 đồng, số tiền lãi là 156.567.038 đồng). Trong quá trình vay bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận với Ngân hàng. Phía nguyên đơn Ngân hàng cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là phía bà K có vay tiền của Ngân hàng cụ thể là Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 403/2018/ HĐTD/PVB-CNTG ngày 02/8/2018, khế ước nhận nợ số 146/KU-PVB ngày 02/8/2018, Bảng kê tính lãi chi tiết, nên yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP- V là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với phía bị đơn bà Phạm Thị K dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn bà K đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP- V đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn bà K phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn bà K đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền vốn vay và lãi đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn hay không, đều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn bà K đã thừa nhận số tiền vốn vay và lãi còn nợ mà phía nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu phía bị đơn bà K phải có nghĩa vụ trả, nên bà K không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn bà K cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Đối với phía bị đơn bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn, nên cần buộc phía bị đơn bà Phạm Thị K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP- V số tiền là 285.281.575 đồng (trong đó số tiến vốn vay là 128.714.537 đồng, số tiền lãi là 156.567.038 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số: 403/2018/HĐTD/PVB-CNTG ngày 02/8/2018. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Trường hợp bà K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của bà Phạm Thị K theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số: 403/2018/HĐTD/PVB-CNTG ngày 02/8/2018 để thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP- V nên phía bị đơn bà K phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía nguyên đơn là 285.281.575 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên bà K phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.264.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 274, 275, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP- V có đại diện theo ủy quyền ông Võ Duy T.

Buộc bà Phạm Thị K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP- V số tiền là 285.281.575 đồng (trong đó số tiến vốn vay là 128.714.537 đồng, số tiền lãi là 156.567.038 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số: 403/2018/HĐTD/PVB-CNTG ngày 02/8/2018. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của bà Phạm Thị K theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số: 403/2018/HĐTD/PVB-CNTG ngày 02/8/2018 để thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị K phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.264.000 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP- V 6.723.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004881 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Phạm Thị K vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.